

Bản án số: 52/2017/HSST

Ngày: 28 - 9 - 2017.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ, TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lê Xuân Thuật.

2. Ông: Vũ Minh Đón.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thơ, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2017/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình H (còn có tên gọi khác là C), sinh năm 1990; sinh trú quán: thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/12; con ông: Nguyễn Đình Đ và bà: Phạm Thị H; có vợ: Lê Thị H và hai con; tiền sự, tiền án: chưa có; bị tạm giữ ngày 05 tháng 4 năm 2017, bị tạm giam ngày 14 tháng 4 năm 2017; có mặt.

2. Đặng Xuân M (còn có tên gọi khác là M1), sinh năm 1988; sinh trú quán: thôn V, thị trấn B, huyện M, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 11/12; con ông: Đặng Xuân T1 và bà: Nguyễn Thị T2 (đã chết); có vợ: Nguyễn Thị T3 và ba con; tiền sự, tiền án: chưa có; bị tạm giữ ngày 05 tháng 4 năm 2017, bị tạm giam ngày 14 tháng 4 năm 2017; có mặt.

3. Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1979; sinh trú quán: thôn T, xã TL, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 9/12; con ông: Nguyễn Hữu L (còn có tên gọi khác là Nguyễn Văn L, đã chết) và bà: Nguyễn Thị T4; có vợ: Nguyễn Thị Quỳnh C và một con; tiền sự, tiền án: chưa có; bị tạm giữ ngày 14 tháng 4 năm 2017, bị tạm giam ngày 20 tháng 4 năm 2017; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng Q: Bà Nguyễn Thị T5 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đào Đức A, sinh năm 1989;

Trú tại: thôn H, xã TV, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

2. Chị Lê Thị H1, sinh năm 1986;

Trú tại: thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Đào Đức A và Nguyễn Xuân T đều là người nghiện ma túy và biết Nguyễn Đình H có bán ma túy nên rủ nhau đi mua về sử dụng. Khoảng 12 giờ ngày 05 tháng 4 năm 2017, Đức A sử dụng số điện thoại 0969162xxx gọi cho số điện thoại 01658569xxx của H để hỏi mua 1.200.000 đồng ma túy đá, H đồng ý. Đức A bảo H san thành 05 gói và thống nhất địa điểm giao dịch mua bán tại khu vực gần nhà nghỉ H A ở thôn L, xã L, huyện Y rồi cùng T đi nhờ xe máy của một người không quen biết đến địa điểm hẹn. Sau đó, H nhờ Đặng Xuân M mang 05 gói ma túy được gói trong giấy vệ sinh màu trắng đến chỗ hẹn để nhận tiền và giao ma túy cho Đức A đồng thời chuyển số điện thoại của Đức A cho M để liên lạc với nhau. Trên đường đi M và Đức A liên lạc qua điện thoại và hẹn địa điểm tại khu đất trống gần nhà nghỉ H A, M đến trước và để gói giấy vệ sinh bọc 05 gói ma túy ở dưới nền đất ngay chỗ M đứng. Khoảng 14 giờ cùng ngày khi hai bên gặp nhau, M bảo đưa tiền thì Đức A đưa số tiền 300.000 đồng và T đang lấy 300.000 đồng để đưa cho M thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y bắt quả tang. Vật chứng thu giữ: Thu tại nền đất chỗ M đứng 01 gói giấy vệ sinh, bên trong có 05 túi nilon đựng các chất tinh thể màu trắng, niêm phong kí hiệu M1; thu trên tay M 300.000 đồng, trên người M 01 ví giả da màu nâu cũ, 01 chứng minh nhân dân mang tên Đặng Xuân M và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh đen đã cũ kèm sim thuê bao số 01643912xxx; Thu trên người T 710.000 đồng; Thu trên người Đức A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ kèm sim thuê bao số 0969162xxx.

Đặng Xuân M và Đào Đức A đều khai Nguyễn Đình H ở thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh H nhờ Mộng bán hộ ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của H, thu giữ: tại dưới chiếu đầu giường ngăn số 02 tính từ ngoài vào số tiền 3.200.000 đồng; thu trên mặt phản ngăn số 03 một vỏ bao thuốc lá Kent bên trong có hai gói nilon trong đó 01 gói nilon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng còn 01 gói nilon bên trong chứa chất tinh thể màu hồng, niêm phong ký hiệu M2; Thu tại dưới nắp bồn cầu nhà vệ sinh 01 (một) gói nilon bên trong có 02 viên nén màu hồng, 01 gói nilon bên trong chứa chất tinh thể màu hồng và 01 gói nilon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, niêm phong kí hiệu M3; Thu tại dưới nắp bồn cầu 01 (một) gói nilon kích thước (10x5)cm, bên trong đựng 21 gói nilon

kích thước (3x5)cm. Quá trình khám xét H tự giao nộp một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng đã cũ bên trong có sim số thuê bao 01658569xxx.

Quá trình điều tra xác định khoảng 13 giờ 30 phút ngày 04 tháng 4 năm 2017, Nguyễn Hồng Q đến nhà Nguyễn Đình H chơi thì gặp M ở nhà H, H hỏi mua 600.000 đồng ma túy đá của Q thì Q đồng ý và bảo H đưa tiền trước nên H đã đưa số tiền 600.000 đồng. Q nhận tiền của H rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream cũ không có biển số đi khoảng 01 tiếng sau quay lại đưa H 01 gói ma túy, H san ma túy ra làm hai gói nhỏ cất đi 01 gói còn 01 gói cùng Q sử dụng tại nhà H. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Đức A sử dụng số điện thoại 0969162xxx gọi đến số 01658569xxx của H để hỏi mua ma túy thì H đồng ý nên Đức A và T đã đi xe ôm của người không quen biết đến nhà H ở thôn L, xã L, huyện Y. H đã bán số ma túy mua của Q còn lại cho Đức A và T được số tiền 500.000 đồng, số ma túy mua được Đức A cùng T sử dụng hết.

Kết luận giám định số 1720/C54(TT2) ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát kết luận:

- Mẫu kí hiệu M1: Tinh thể màu trắng trong 05 (năm) gói nilon màu trắng gửi giám định có tổng trọng lượng 0,472 gam, đều có Methamphetamine, hàm lượng trung bình 72,2%.

- Mẫu kí hiệu M2:

- + Tinh thể màu trắng trong gói nilon gửi giám định có trọng lượng 0,277 gam, có Methamphetamine, hàm lượng 69,1 %.

- + Tinh thể màu hồng và 02 (hai) viên nén màu hồng trong gói nilon gửi giám định có tổng trọng lượng 0,440 gam, đều có Methamphetamine, hàm lượng trung bình 40,7%.

- Mẫu kí hiệu M3:

- + 02 (hai) viên nén màu hồng gửi giám định có tổng trọng lượng 0,177 gam, đều có Methamphetamine, hàm lượng trung bình 14,1%.

- + Tinh thể màu hồng trong gói nilon gửi giám định có trọng lượng 0,083 gam, có Methamphetamine, hàm lượng 8,0%.

- + Tinh thể màu trắng trong gói nilon gửi giám định có trọng lượng 0,451 gam, có Methamphetamine, hàm lượng 73,5%.

Methamphetamine nằm trong danh mục II, STT: 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Hoàn lại đối tượng giám định gồm:

- Mẫu kí hiệu M1: 0,257 gam tinh thể màu trắng.

- Mẫu kí hiệu M2: 0,192 gam tinh thể màu trắng; 0,318 gam tinh thể hồng và viên nén hồng.

- Mẫu M3: 0,087 gam mẫu các viên nén hồng; 0,273 gam tinh thể trắng.

Đối tượng giám định được hoàn lại trong niêm phong số 1720/C54(TT2).

Tại bản cáo trạng số 54/QĐ-VKS-HS ngày 12 tháng 9 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình H về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Đào Xuân M và Nguyễn Hồng Q về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi như cáo trạng của Viện kiểm sát.

KSV trình bày lời luận tội và đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS và điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 đối với bị cáo H. Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS đối với các bị cáo M và Q.

Tuyên các bị cáo H, M và Q tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử bị cáo H từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù; bị cáo M từ 2 năm 6 tháng đến 2 năm 9 tháng tù và bị cáo Q từ 2 năm 3 tháng đến 2 năm 6 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo H số tiền 500.000 đồng và bị cáo Q số tiền 5.600.000 đồng.

Vật chứng: Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 03 chiếc điện thoại di động và số tiền 1.010.000 đồng. Tịch thu, tiêu hủy số ma túy là mẫu vật giám định hoàn lại trong phong bì niêm phong; 22 gói nilon, 01 mảnh giấy vệ sinh.

Người bào chữa cho bị cáo Q không tranh luận về tội danh, điều khoản áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Quân và đề nghị áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác:

XÉT THẤY

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ, Kết luận giám định cùng các tài liệu trong hồ sơ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa đã có đủ căn cứ xác định các bị cáo có hành vi như sau:

Hành vi thứ nhất: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04 tháng 4 năm 2017, tại nhà ở của Nguyễn Đình H ở thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, Nguyễn Hồng Q đã bán cho H 01 gói ma túy được số tiền 600.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, H đã bán một phần ma túy mua của Q cho Đào Đức A được số tiền 500.000 đồng, số ma túy còn lại đã sử dụng hết.

Hành vi thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 05 tháng 4 năm 2017, Nguyễn Đình H thỏa thuận bán ma túy cho Đào Đức A với giá tiền 1.200.000 đồng, đến khoảng 14 giờ cùng ngày tại khu đất trống cạnh nhà nghỉ H A ở thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh

Hung Yên khi Đặng Xuân M đang thay H nhận tiền và giao ma túy cho Đức A cùng Nguyễn Xuân T thì bị phát hiện bắt quả tang thu giữ số tiền 1.010.000 đồng cùng 0,472 gam tinh thể có Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy nên hành vi hai lần bán ma túy cho Đào Đức A của Nguyễn Đình H đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự. Hành vi bán ma túy cho H của Nguyễn Hồng Q và hành vi biết rõ là ma túy nhưng vẫn mang đi bán hộ H của Đặng Xuân M đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều biết ma túy đã tác động trực tiếp đến thần kinh của người sử dụng dẫn đến không làm chủ được hành vi nhưng để có thể đáp ứng được nhu cầu của bản thân đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nên cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của từng bị cáo. Nguyễn Đình H và Đặng Xuân M cùng cố ý thực hiện hành vi bán ma túy cho Đức A trong đó H là người trực tiếp thỏa thuận nên tính chất phải cao hơn M là người giúp mang ma túy đi bán. Tuy nhiên cũng phải xem xét việc Đặng Xuân M biết rõ bán ma túy cho hai người nhưng vẫn thực hiện hành vi tích cực nên mức độ của cáo phải cao hơn bị cáo Nguyễn Hồng Q là người sử dụng và thực hiện hành vi mua bán để kiếm lợi để có hình phạt phù hợp. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét thái độ thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bố bị cáo H là thương binh, được tặng thưởng Huân chương; bố bị cáo Q được tặng thưởng Huân chương, gia đình có đơn đề nghị được địa phương xác nhận và mẹ bị cáo M được tặng thưởng Bằng khen để giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo H.

Số tiền 300.000 đồng gia đình bị cáo Nguyễn Hồng Q tự giao nộp tại cơ quan thi hành án, không có sự tác động của bị cáo nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự của người bào chữa là không có căn cứ nên không được chấp nhận nhưng cũng xem xét để giảm nhẹ trách nhiệm cho bị cáo theo khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Nguyễn Đình H, Đặng Xuân M và Nguyễn Hồng Q đều không có tài sản, thu nhập nên sẽ miễn hình phạt bổ sung phạt tiền cho các bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định số tiền có được khi bán ma túy ngày 04 tháng 4 năm 2017 của bị cáo Nguyễn Hồng Q là 600.00 đồng, của bị cáo Nguyễn Đình H là 500.000 đồng và bị cáo Q đã sử dụng xe mô tô thuộc quyền sở hữu của mình vào việc mua đi ma túy bán cho Nguyễn Đình H, bị cáo tự khai nhận đã bán xe được số tiền 5.000.000 đồng và sử dụng hết nên sẽ buộc bị cáo phải giao nộp số tiền có được khi bán xe cùng số tiền bị cáo H, Q có được khi bán ma túy để tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vật chứng của vụ án thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel của Đặng Xuân M cùng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung của Nguyễn Đình H và

chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia được Đức A sử dụng để liên lạc mua ma túy nên là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên sẽ tịch thu, sung quỹ Nhà nước. 03 sim điện thoại di động có số thuê bao 01643912xxx, 01658569xxx và 0969162xxx có giá trị không lớn cùng 01 gói ni lon kích thước (10x5)cm và 21 gói nilon kích thước (5x3)cm, 01 mảnh giấy vệ sinh không có giá trị sử dụng nên sẽ tịch thu, tiêu hủy. Số tiền 3.200.000 đồng là tiền chị Lê Thị H1 đưa cho H để đóng học cho con và 01 ví giả da, 01 chứng minh nhân dân mang tên Đặng Xuân M không liên quan đến hành vi phạm tội nên sẽ trả lại chủ sở hữu theo quy định.

Nguyễn Đình H khai nguồn gốc số ma túy là mua của người không xác định ở cầu Vĩnh Tuy, Hà Nội và Nguyễn Hồng Q khai nguồn gốc số ma túy là mua của Lưu Đình P ở thôn L, xã L nhưng chưa đủ căn cứ nên Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ nên không đặt ra để xem xét.

Công an huyện Yên Mỹ đã xử phạt hành chính đối với Đào Đức A về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp quy định của pháp luật, Nguyễn Xuân T đã chết ngày 19 tháng 5 năm 2017 nên không đặt ra để xem xét.

Các bị cáo phải chịu án phí và lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình H (còn có tên gọi khác là C), Đặng Xuân M (còn có tên gọi khác là M1) và Nguyễn Hồng Q phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật hình sự. Điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Đình H.

Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đặng Xuân M và Nguyễn Hồng Q. Điều 20 và Điều 53 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Xuân M.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 07 năm 03 tháng (bảy năm ba tháng) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 05 tháng 4 năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Xuân M 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 05 tháng 4 năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Q 02 năm 9 tháng (hai năm chín tháng) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 14 tháng 4 năm 2017.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hồng Q giao nộp số tiền 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng) và bị cáo Nguyễn Đình H giao nộp số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu các bị cáo không thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tạm giữ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị T nộp thay bị cáo Nguyễn Hồng Q theo Biên lai thu tiền số 006984 ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ.

Vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.010.000 đồng (một triệu không trăm mười nghìn đồng); một điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh đã cũ; một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng đã cũ và một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ.

Tịch thu tiêu hủy 01 gói nilon kích thước (10x5)cm và 21 gói nilon kích thước (5x3)cm; 01 mảnh giấy vệ sinh màu trắng; 03 sim điện thoại di động có số thuê bao 01643912269, 01658569234 và 0969162691; 0,722 gam tinh thể màu trắng; 0,318 gam tinh thể hồng và viên nén hồng; 0,083 gam mẫu các viên nén hồng trong phong bì niêm phong số 1720/C54(TT2).

Trả lại bị cáo Đặng Xuân M 01 ví giả da màu nâu đã cũ và 01 chứng minh nhân dân mang tên Đặng Xuân M.

Trả lại chị Lê Thị H1, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên số tiền 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 9 năm 2017 và Ủy nhiệm chi ngày 15 tháng 9 năm 2017.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí. Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Đình H, Đặng Xuân M và Nguyễn Hồng Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo; người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Yên Mỹ;
- Công an huyện Yên Mỹ;
- Công an trại tạm giam;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Quang Tú